TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2017/HNGĐ-ST Ngày 22-9-2017 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;

2. Ông Nguyễn Văn Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 530/2017/TLST-HNGĐ 05/7/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tạ Văn L, sinh năm 1974; thường trú: Số 251 đường K, khu phố N1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1976; thường trú: Số 251 đường K, khu phố N1, phường A, thị xã D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Số 20 đường số 5, khu phố Đ1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Tạ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, anh Tạ Văn L và chị Phạm Thị Thúy H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh N vào ngày 18/7/2008, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 300/2008. Sau khi kết hôn, anh L và chị H sinh sống và làm việc tại thị xã D, tỉnh B, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm

2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu, cờ bạc không quan tâm đến vợ con, không lo kinh tế cho gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần chị H tát vào mặt anh L trước mọi người. Từ đó, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Anh, chị đã ly thân khoảng 06 tháng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tạ Khánh L, sinh ngày 09/10/2008. Hiện nay con đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Phạm Thị Thúy H đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng chị H không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Tạ Văn Lthì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú và sinh sống tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 21/8/2017 nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 05/9/2017 và ngày 22/9/2017 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn L và chị Phạm Thị Thúy H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh N vào ngày 18/7/2008, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 300/2008, là hôn nhân hợp pháp. Anh L cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do anh L thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không lo kinh tế cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần chị H đã tát vào mặt anh L trước sự chứng kiến của mọi người. Từ đó, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh, chị đã sống ly thân được khoảng 06 tháng, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh L, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh L yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh L và chị H có 01 người con chung tên Tạ Khánh L, sinh ngày 09/10/2008. Hiện nay con đang sống chung với chị H. Trong suốt quá trình tố tụng chị H không có ý kiến gì về con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu L do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời là con gái, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Vì vậy, anh L yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tạ Văn L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn L được ly hôn với chị Phạm Thị Thúy H.

2. Về con chung: Anh Tạ Văn L giao cháu Tạ Khánh L, sinh ngày 09/10/2008 cho chị Phạm Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tạ Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh L và chị H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến chị H nuôi con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của pháp luật.

Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Tạ Văn L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng anh Tạ Văn L còn phải thanh toán cho chị Phạm Thị Thúy H tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tạ Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009783, ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B. Anh Tạ Văn Lượng còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường B, thành phố H, tỉnh N;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên